

**HAIHACHEM***mixed-Xylen (MSDS)*
Ngày cập nhật: 01/01/2025

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

1.1. Nhận dạng hóa chất

Tên sản phẩm : Xylene
Tên gọi khác : Mixed Xylene, isomers, Dimethyl Benzenes
Công thức hóa học : C₈H₁₀
Số CAS : 108-38-3, 95-47-6, 106-42-3, 100-41-4
Số UN : 1307
Số EC : 203-576-3
Mục đích sử dụng : Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các qui trình sản xuất công nghiệp.

1.2. Nhận dạng Công ty

Nhà nhà cung cấp/nhập khẩu : CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ
Địa chỉ : Lô CN5.2Q, Khu hóa chất hóa dầu, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.883.2929
Fax : 0225.883.2929
Email : haiha@haihachem.com
Website : <http://haihachem.com/>

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ ĐỘC HẠI

2.1. Phân loại theo hệ thống GHS

Phân loại	Chất lỏng dễ cháy	Cấp 3
	Tồn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Cấp 2
	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	Cấp 3
	Độc cấp tính	Cấp 4
	Nguy hại hô hấp	Cấp 1
	Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	Cấp 3
	Kích ứng da	Cấp 2
	Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.	

**Biểu tượng nhãn GHS****2.2. Cảnh báo nguy hiểm****Lời cảnh báo**

Nguy hiểm

Các cảnh báo nguy hiểm GHS

H226: Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H304: Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
H312+H332: Có hại khi tiếp xúc với da hoặc nếu hít phải.
H315: Gây kích ứng da.
H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H332: Nguy hiểm nếu nuốt phải.
H335: Có thể gây kích ứng hô hấp.
H412: Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa

P210: Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc
P233: Đóng chặt bình chứa
P240+241: Nối đất/ sử dụng thiết bị chống cháy nổ
P242+243: Chỉ sử dụng công cụ không phát tia lửa điện/ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện
P280: Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P261: Tránh hít phải bụi/khói/khí/sương/hơi/nước xịt ra
P264+265: Rửa tay kỹ sau khi xử lý, không để chạm vào mắt
P271+280: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc thông gió tốt/ Đeo găng tay, quần áo bảo hộ, bảo vệ mắt, bảo vệ mặt, bảo vệ thính giác
P303+361+353: Nếu dính vào da, cởi bỏ ngay tất cả quần áo nhiễm bẩn, rửa sạch hoặc tắm với nước
P302+P352: Nếu dính vào da: rửa bằng nhiều nước
P362+P364: Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P372+378: Nguy cơ nổ. Sử dụng để dập tắt.
P304+P340: Nếu hít phải: di chuyển sang nơi không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để hít thở.
P305+P351+P338: Nếu tiếp xúc với mắt: rửa kỹ với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu có và dễ dàng. Tiếp tục rửa.
P337+P317: Nếu vẫn bị kích ứng mắt, nhận trợ giúp y tế khẩn cấp
P319: Nhận trợ giúp y tế nếu cảm thấy không khỏe
P370+378: Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng cát, hóa chất khô, bột chịu cồn để dập lửa

Nơi cất giữ

P403+P235: bảo quản nơi thông thoáng .Giữ mát.

Thải bỏ

P405: Nơi cất giữ phải được khóa lại.

P501: Vứt bỏ các thành phần và thùng chứa tới nơi chôn lấp chất thải phù hợp với quy định của địa phương và quốc gia.



3. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng
m-Xylen	108-38-3	41-51%
p-Xylene	106-42-3	17-22%
o-Xylene	95-47-6	2-29%
Ethyl benzene	100-41-4	11-24%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- 4.1. Sau khi hít phải** Chuyển nạn nhân sang nơi có không khí trong lành. Nếu không hồi phục nhanh thì chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.
- 4.2. Sau khi tiếp xúc với da** Loại bỏ quần áo bị nhiễm độc. Rửa sạch với nước/vòi hoa sen. Phơi nhiễm lặp lại có thể gây khô và nứt nẻ da.
- 4.3. Sau khi tiếp xúc với mắt** Ngay lập tức rửa sạch mắt với nhiều nước. Loại bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.
- 4.4. Sau khi nuốt phải** Nếu nuốt phải, đừng gây nôn. Nếu xảy ra nôn một cách tự nhiên, giữ đầu dưới hông để ngăn tràn lại. Không ăn uống gì. Tham vấn bác sĩ.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- 5.1. Nguy hại cụ thể** Dễ dàng bắt lửa bởi nhiệt, tia lửa hoặc ngọn lửa. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Hơi có thể di chuyển đến nguồn đánh lửa và bùng cháy trở lại. Hầu hết hơi nặng hơn không khí. Chúng sẽ lan tỏa trên mặt đất và tích tụ ở những khu vực thấp hoặc hạn chế (cổng rãnh, tầng hầm, bể chứa, v.v.). Nguy cơ nổ hơi trong nhà, ngoài trời hoặc trong cổng rãnh. Các chất được chỉ định bằng chữ (P) có thể trùng hợp gây nổ khi đun nóng hoặc tiếp xúc với lửa. Nước chảy vào cống có thể gây ra nguy cơ cháy nổ. Các thùng chứa có thể phát nổ khi bị đun nóng. Nhiều chất lỏng sẽ nổi trên mặt nước.
- 5.2. Phương tiện chữa cháy**
Phương tiện chữa cháy phù hợp: Sử dụng bột chống cồn, bột, bột, carbon dioxide, bình xịt nước mịn. Trong trường hợp hỏa hoạn: giữ cho thùng phuy, v.v. mát bằng cách phun nước.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp: Tia nước mạnh.
- 5.3. Thiết bị bảo hộ cho lính cứu hỏa** Mặc quần áo bảo hộ và thiết bị dưỡng khí đầy đủ.

6. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ TAI NẠN

Lưu ý: Tuân theo các quy định liên quan của địa phương và quốc tế.

**6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình ứng phó khẩn cấp****6.2. Biện pháp phòng ngừa môi trường****6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa và dọn dẹp****6.4. Tư vấn bổ sung**

Tránh tiếp xúc với hóa chất bị đổ hoặc tràn ra. Tránh hít phải hơi, sương hoặc khí. Cởi bỏ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Để được hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Để được hướng dẫn thải bỏ hóa chất bị đổ, xem chương 13 của tài liệu này.

Bịt kín các lỗ rò rỉ nếu có thể mà không gây rủi ro cho cá nhân. Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy ở khu vực xung quanh. Dùng các công cụ ngăn chặn thích hợp (thiết bị và nước cứu hỏa) để tránh ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn lan tỏa hoặc xâm nhập vào cống, mương hoặc sông bằng cách dùng cát, đất hoặc các vật ngăn chặn thích hợp khác. Ví dụ, cố gắng phân tán hơi hoặc hướng đi của nó tới nơi an toàn bằng cách xịt sương. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị.

Đối với sự cố tràn chất lỏng nhiều (hơn 1 thùng phuy), sử dụng phương tiện cơ học như xe hút chân không hút vào bể chứa hộ để thu hồi hoặc xử lý an toàn. Không rửa trôi phần cặn bã bằng nước, để nguyên nó như phần thải ô nhiễm. Cho phép phần cặn bay hơi hoặc ngâm nó với một chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Với sự cố tràn chất lỏng ít (nhỏ hơn 1 thùng phuy), dùng phương tiện cơ học chuyển sang thùng chứa dán nhãn, niêm phong để thu hồi hoặc thải bỏ an toàn. Cho phép phần cặn còn lại bay hơi hoặc ngâm nó với chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Lấy phần đất ô nhiễm và thải bỏ an toàn.

Thông báo cho chính quyền nếu xảy ra bất kỳ xâm nhiễm nào ra công cộng hoặc môi trường. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ với không khí.

7. LƯU Ý VỀ THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ**7.1. Lưu ý về thao tác**

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

Thận trọng trong việc xử lý

Quan sát cảnh báo ghi trên nhãn. Tránh hít phải hơi hoặc sương. Chỉ sử dụng ở nơi thông gió. Rửa kỹ cẳng sau khi xử lý. Về việc hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Dùng thông tin trong tài liệu này làm đầu vào để đánh giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương để giúp xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp cho giải quyết, lưu trữ và xử lý an toàn hóa chất này. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các tác nhân gây cháy. Tránh tia lửa. Điện tĩnh có thể tạo ra trong quá trình bơm. Điện tĩnh có thể tạo ra lửa. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra sự phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng hai lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả hoặc tiến hành các xử lý. Hơi này nặng hơn không khí, lan tỏa trên mặt đất và có thể bắt lửa từ xa. Việc mở và xử lý thùng chứa phải thận trọng trong một khu vực thông gió tốt. Khu vực làm việc phải được thông gió sao cho nồng độ hóa chất không vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. Không được đổ xuống cống rãnh.

7.2. Lưu ý về lưu trữ

Các điều kiện lưu trữ an toàn

Lưu ý khi vận chuyển hóa chất

Các bể chứa khối lượng lớn nên được đặt trong khu vực thông gió tốt và phải bao vệ xung quanh, tránh xa ánh nắng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Các thùng chứa đang mở phải được chiết rót cẩn thận và giữ phần mở hướng lên trên để hạn chế rò rỉ. Nhạy cảm với độ ẩm.

Sự phóng tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng 2 lần đường kính của nó, sau đó là

Chất	Nguồn	Kiểu	ppm	mg/m ³	Ký hiệu
Mixed Xylene	ACGIH	TWA	100	435	
	TLV	STEL	150	655	
	BEI	MAK	100		
		Giới hạn cao nhất			

8.2. Các kiểm soát phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên cho việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân. Có hệ thống thông gió toàn bộ và cục bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật được phê duyệt.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Lời khuyên chung

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít phải hơi hoặc sương phun ra. Chỉ xử lý trong khu vực được trang bị vòi hoa sen an toàn. Vòi nước rửa mắt phải luôn sẵn sàng.

Các biện pháp vệ sinh

Khi làm việc không được ăn, uống hoặc hút thuốc. Cởi bỏ toàn bộ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Rửa tay ngay trước khi nghỉ và sau khi xử lý sản phẩm.

Bảo vệ hô hấp

Nếu có hóa chất hoặc hơi bay ra, yêu cầu dùng thiết bị bảo vệ hô hấp (bộ lọc khí A).

Bảo vệ tay

Đeo găng tay chống hóa chất (cao su butyl) hoặc tham khảo ý kiến của nhà sản xuất găng tay.

Bảo vệ mắt/mặt

Dùng kính bảo hộ an toàn. Ngoài kính bảo hộ, đeo thêm mặt nạ nếu có nguy cơ bị bắn vào mặt. Các thiết bị phải phù hợp với EN 166.

Bảo vệ da

Dùng quần áo chống thấm nước, chống tĩnh điện và chống cháy.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Cảm quan	Chất lỏng không màu
Mùi	Mùi ngọt ngào
Ngưỡng mùi	0,3ppm
pH	Chưa có dữ liệu
Điểm sôi	137-143 °C ở 1,013 hPa
Điểm nóng chảy/đóng băng	-47.4 °C ở 1,013 hPa
Điểm chớp cháy	25 °C - cốc kín
Giới hạn nổ/cháy trong không khí	Giới hạn trên của cháy nổ: 7 %(V) Giới hạn dưới của cháy nổ: 1.1 %(V)
Nhiệt độ tự bốc cháy	528.0 °C ở 1,013 hPa
Áp suất hơi	0,8kPa ở 20°C
Trọng lượng riêng	860 kg/m ³ tại 20 °C
Độ hòa tan trong nước	146 g/l ở 25 °C - hòa tan một phần
Hệ số phân tán n-octanol/nước (log Pow)	log Pow: 3.2 ở 20 °C - Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ phân hủy	Dữ liệu không có sẵn
Mật độ hơi (không khí = 1)	3,66
Tốc độ bay hơi (nBuAc=1)	9,2 (Ether = 1)

Trọng lượng phân tử 106,16g/mol

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

- 10.1. Độ ổn định hóa học** Ổn định dưới điều kiện bình thường (nhiệt độ phòng).
- 10.2. Điều kiện cần tránh** Tránh bất cứ nguồn gây lửa nào. Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và tĩnh điện. Tránh tiếp xúc với độ ẩm cao. Các chất không tương thích.
- 10.3. Chất không tương thích** Axít, bazơ, cao su, đồ nhựa.
- 10.4. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm** CO, CO₂ và các loại khí dễ cháy sẽ được tạo ra khi chất này trải qua quá trình đốt cháy hoặc bốc nhiệt hoặc oxy hóa.
- 10.5. Khả năng phản ứng nguy hiểm** Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với cá chất oxy hóa mạnh. Có thể phân hủy mạnh khi tiếp xúc với bazơ, axít.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1. Thông tin về tác động độc hại

- Cơ sở đánh giá** Thông tin được đưa ra dựa trên việc thí nghiệm sản phẩm, và/hoặc các chất tương tự, và/hoặc các thành phần tương tự.
- Các cách lây nhiễm** Phơi nhiễm có thể xảy ra qua đường hô hấp, ăn uống, qua da, mắt hoặc vô tình nuốt phải.

11.2. Ngộ độc cấp tính

LD50 Đường miệng - Chuột - con đực - 3,523 mg/kg (Chỉ thị của Ủy Ban Châu Âu 92/69/EEC B.1)

Độc tính cấp (Đường miệng) LC50 Hít phải - Chuột - con cái - 4 h - 29.091 mg/l - hơi

Ghi chú: (Quy định (EC) Số 1272/2008, Phụ lục VI) (ECHA) Triệu chứng: Hít vào có thể dẫn đến phù nề trong khoang hô hấp. LD50 Da - Thỏ - con đực - 12,126 mg/kg

Ghi chú: (ECHA) Được phân loại theo Quy định (EU) 1272/2008, Phụ lục VI (Bảng 3.1/3.2)

11.3. Ăn mòn/kích ứng da

Da - Thỏ Kết quả: Kích ứng da vừa phải - 4 h (Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, B.4)

Ghi chú: Sau khi tiếp xúc lâu với hóa chất: Viêm da Hiệu ứng mất nước khiến da bị thô và nứt nẻ.

11.4. Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Mắt - Thỏ Kết quả: Kích ứng mắt vừa phải

Ghi chú: (ECHA)

11.5. Kích thích hô hấp hoặc da

Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA) - Chuột nhắt

Kết quả: Âm tính (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429)

11.6. Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm trao đổi nhiễm sắc từ chị em Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, B.19

Kết quả: Âm tính Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471 Kết quả: Âm tính Ghi chú: (Chương Trình Độc Học Quốc Gia)

Loại kiểm nghiệm: Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất Phương pháp: Khả năng gây

	đốt biến (xét nghiệm di truyền tế bào chất động vật có vú trong ống nghiệm) Kết quả: Âm tính Loại kiểm nghiệm: phương pháp liều gây chết trội Loài: Chuột nhắt Lộ trình ứng dụng: dưới da Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 478 Kết quả: Âm tính Loại kiểm nghiệm: Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): nhân sinh sản. Loài: Chuột nhắt Loại tế bào: Hồng cầu (erythrocytes) Lộ trình ứng dụng: trong phúc mạc Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474 Kết quả: Âm tính Ghi chú: IUCLID)
11.7. Tác nhân gây ung thư	
11.8. Độc tính sinh sản	Sản phẩm này là hoặc có chứa một thành phần không được phân loại là chất gây ung thư dựa trên phân loại IARC, ACGIH, NTP hoặc EPA của nó. Phơi nhiễm quá mức có thể gây ra (các) rối loạn sinh sản dựa trên thử nghiệm động vật thí nghiệm Hít phải - Có thể gây kích ứng hô hấp. - Đường hô hấp
11.9. Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	
11.10. Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	
11.11. Nguy hại hô hấp	Chưa có dữ liệu Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
11.12. Thông tin thêm	Đặc tính phá vỡ nội tiết Sản phẩm: Đánh giá : Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn. Lượng độc lặp lại - Chuột - Đực và cái - Đường miệng - 90 Days - Mức ảnh hưởng có hại không quan sát được - 200 mg/kg Tổn thương gan có thể xảy ra., Tổn thương thận có thể xảy ra., Rối loạn máu, cảm giác nóng rát, Ho, thở khó khê, viêm thanh quản, Khó thở, Đau đầu, Buồn nôn, Nôn mửa, mê man. Kích ứng phổi, đau ngực, phù phổi, Suy giảm hệ thần kinh trung ương, Viêm da, Rối loạn đường ruột Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ. Sau khi hấp thụ số lượng chất độc: Đau đầu tình trạng lơ mơ Chóng mặt lo âu, cơ thất mê man. Tác dụng tiềm tàng bởi: ethanol Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Thận -

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.1. Ngộ độc cấp tính	
Cá	Thử nghiệm tĩnh LC50 - <i>Oncorhynchus mykiss</i> (cá hồi cầu vồng) - 2.60 mg/l - 96 h (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203)
Động vật không xương sống dưới nước	NOEC - <i>Daphnia magna</i> (Bọ nước) - 1.57 mg/l - 21 d (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211)
Tảo	Thử nghiệm tĩnh EC50 - <i>Pseudokirchneriella subcapitata</i> - 4.36 mg/l - 73 h (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201)
Vi khuẩn	Ghi chú: (ECHA) (m-Xylene)
12.2. Tính lưu động	Dữ liệu không có sẵn.
12.3. Tính phân hủy sinh học	hiếu khí - Thời gian phơi nhiễm 28 d Kết quả: 98 % - Dễ phân hủy sinh học. (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F) Nhu cầu Oxy Hoá học (COD) 2.62 g/g Ghi chú: (ECHA)

12.4. Khả năng tích lũy sinh học	Nhu cầu oxy lý thuyết 3.17 g/g Ghi chú: (ECHA) tỉ lệ BOD/ThBOD 80 % Ghi chú: (ECHA) Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng) - 56 d ở 10 °C - 1.3 mg/l(m-Xylene) Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 7.4 - 18.5 Do hệ số phân bố n-octanol/nước nên sẽ không có sự tích lũy trong các cơ thể sinh vật.
12.5. Độ linh động trong đất	Chưa có dữ liệu
12.6. Kết quả đánh giá PBT và vPvB	Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn
12.7. Đặc tính phá vỡ nội tiết.	Sản phẩm: Đánh giá : Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.
12.5. Thông tin khác	Khi được vớt bỏ đúng cách, các nhà máy xử lý nước thải sinh học đã thích ứng sẽ không bị hỏng hóc mặt chức năng.

13. XỬ LÝ CHẤT THẢI

13.1. Loại bỏ chất thải	Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Trách nhiệm của người xử lý chất thải là xác định độc tính và tính chất vật lý của chất thải được tạo ra để xác định phương pháp phân loại và phương pháp thải bỏ phù hợp theo quy định hiện hành. Không vớt bỏ vào trong môi trường, cống hoặc nguồn nước. Chất thải không được phép làm ô nhiễm vào đất hoặc nguồn nước.
13.2. Loại bỏ thùng chứa	Xả hết thùng chứa. Sau khi xả, thông hơi ở một nơi an toàn cách xa lửa. Phần cặn bã có thể gây ra nguy hại cháy nổ. Không đâm, cắt, hoặc hàn các thùng phuy chưa được làm sạch. Chuyển đến nơi thu hồi thùng phuy hoặc thu hồi kim loại.
13.3. Luật pháp địa phương	Việc xử lý chất thải phải phù hợp với luật và quy định áp dụng cho khu vực, quốc gia, và địa phương.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1. ADR/RDI

Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: III
Số UN	: UN 1307
Tên hàng vận chuyển	: XYLENES

14.2. IATA

Số UN	: UN 1307
Tên hàng vận chuyển	: Xylenes
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: III

14.3. IMDG

Số UN	: UN 1307
-------	-----------



Tên hàng vận chuyển : XYLENES
Hạng : 3
Nhóm đóng gói : III

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT**15.1. Tình trạng khai báo, đăng ký danh sách hóa chất của các quốc gia**

AICS	Đã liệt kê
DSL	Đã liệt kê
IECSC	Đã liệt kê
ENCS (JP)	Đã liệt kê
TSCA	Đã liệt kê
EINECS	Đã liệt kê 203-576-3
KECL (KR)	Đã liệt kê
PICCS (PH)	Đã liệt kê

15.2. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định 82/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
- QCVN 05A:2020/BCT, quy chuẩn quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

16. THÔNG TIN KHÁC**16.1. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS**

H226	: Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H304	: Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
H312	: Có hại khi tiếp xúc với da.
H315	: Gây kích ứng da.
H319	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H332	: Có hại nếu hít phải.
H335	: Có thể gây kích ứng hô hấp.
H412	: Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

16.2. Lưu ý cho người đọc

: Thông tin trong tài liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi nhằm để sử dụng cho mục đích bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Hóa chất trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo điều kiện sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ

